TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 222/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sáng
2. Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre* tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc*: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Võ Thị Ánh N**, sinh năm: 1996; địa chỉ: số nhà E ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Thái D**, sinh năm: 1997; địa chỉ: số nhà B ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 12/3/2024, ngày 19/6/2024 nguyên đơn bà Võ Thị Ánh N trình bày:

Bà N1 và ông D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2018. Sau khi kết hôn, bà N1 và ông D sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông D không lo làm ăn phụ nuôi con cùng bà N1. Nay bà N1 nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N1 được ly hôn với ông D. Bà Nguyệt không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà N1 và ông D có 01 người con chung là Nguyễn Như Ý, sinh ngày 09/12/2018. Khi ly hôn, bà N1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi người con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà N1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà N1 trình bày không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/6/2024, bà N1 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 19/6/2024, bà N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Phía bị đơn ông Nguyễn Thái D đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 217, 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N1 đối với ông D.

Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Như Ý, sinh ngày 09/12/2018 cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng, đình chỉ yêu cầu của bà N1 về việc yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà N1 trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Ánh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thái D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà N và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2018. Hôn nhân

của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N1 cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông D không lo làm ăn phụ nuôi con cùng bà N1. Bà Nguyệt xác định đã không còn tình cảm với ông D nên xin được ly hôn với ông D. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà N1 và ông D đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông D, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông D nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông D không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N1 và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N1 là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà N1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: bà N1 và ông D có 01 người con chung là Nguyễn Như Ý, sinh ngày 09/12/2018. Khi ly hôn, bà N1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi người con chung tên Nguyễn Như Ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông D vắng mặt nên không có ý kiến về con chung. Trong khi bà N1 hiện đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Như Ý. Do đó, để đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần của cháu Như Ý cần giao cháu Như Ý cho bà N1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 12/3/2024, bà N1 yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/6/2024, bà N1 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản làm việc ngày 19/6/2024 của Tòa án, bà N1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông D về cấp dưỡng nuôi con, bà N1 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N1 đối với ông D về cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: bà N1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà N1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ánh N đối với ông Nguyễn Thái D. Bà N1 được ly hôn với ông D. Ghi nhận việc bà N1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: bà N1 và ông D có 01 người con chung là Nguyễn Như Ý, sinh ngày 09/12/2018. Khi ly hôn, bà N1 được quyền trực tiếp nuôi người con chung tên Nguyễn Như Ý. Ghi nhận bà N1 không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N1 đối với ông D về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà N1 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà N1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N1 phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N1 đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001402 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre. Bà N1 đã nộp đủ án phí.

6. Bà Võ Thị Ánh N và ông Nguyễn Thái D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CCTHADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã Vĩnh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tuyết Nga